BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN **TỔNG CỤC LÂM NGHIỆP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1627/BC-TCLN-KL	*Hà Nội, ngày 07 tháng 10 năm 2022*

BÁO CÁO

Đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Thực hiện Quyết định số 2873/QĐ-BNN-PC ngày 28/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn năm 2022. Trong đó, Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam (sau đây viết tắt là Nghị định số 102) được đưa vào chương trình chuẩn bị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2022 và chính thức năm 2023.

Thực hiện quy trình xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 102 theo quy định; trên cơ sở báo cáo tổng kết, đánh giá của Chi cục Kiểm lâm các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và kết quả khảo sát, đánh giá thực tế tại các địa phương[1], doanh nghiệp có hoạt động nhập khẩu, chế biến và xuất khẩu gỗ; Tổng cục Lâm nghiệp báo cáo kết quả đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 102, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Đánh giá chung

Nghị định số 102 được ban hành thể hiện cam kết và nỗ lực của Chính phủ Việt Nam và cộng đồng doanh nghiệp ngành chế biến gỗ, tạo hành lang pháp lý về kiểm soát khai thác và thương mại gỗ bất hợp pháp, đảm bảo chỉ có gỗ hợp pháp được đi vào chuỗi cung ứng, đã nhận được sự ủng hộ cao của các cơ quan, cộng đồng doanh nghiệp ngành gỗ và toàn xã hội.

- Quá trình triển khai thực hiện đã có sự phối hợp chặt chẽ của các bộ, ngành, địa phương qua đó bảo đảm tính kịp thời, hiệu quả, đúng quy định; Bộ

[1] Tổng hợp kết quả Báo cáo đánh giá của 46 Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục Kiểm lâm các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo chỉ đạo của Tổng cục Lâm nghiệp tại Văn bản số 290/TCLN-NL ngày 08/3/2022 về việc đánh giá tình hình thực hiện Nghị định 102/2020/NĐ/CP. Kết quả khảo sát tại TP Hải Phòng, Quảng Bình, Tây Ninh, Bình Định và làm việc với 50 doanh nghiệp có hoạt động nhập khẩu, chế biến và xuất khẩu gỗ.

Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành các văn bản hướng dẫn; tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn cho các địa phương, doanh nghiệp; xây dựng kế hoạch, tổ chức kiểm tra, tình hình triển khai tại thực tế để kịp thời đánh giá, nắm bắt và đề xuất, kiến nghị.

2. Công tác ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn

Công tác ban hành văn bản chỉ đạo, điều hành để tổ chức triển khai Nghị định số 102 đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Tổng cục Lâm nghiệp là cơ quan đầu mối), ngành Hải quan và các địa phương quan tâm thực hiện. Trong đó, Tổng cục Lâm nghiệp ban hành hoặc tham mưu cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành: 01 Thông tư, 07 Quyết định và 06 văn bản hướng dẫn thực hiện Nghị định số 102. Ngành Hải quan đã phối hợp với Tổng cục Lâm nghiệp ban hành 05 văn bản hướng dẫn thực hiện Nghị định số 102 về quản lý gỗ nhập khẩu. 98% Chi cục Kiểm lâm các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gửi báo cáo đã ban hành các văn bản chỉ đạo và hướng dẫn thực hiện Nghị định số 102, chủ yếu tập trung vào ban hành các thủ tục hành chính liên quan và kế hoạch tổ chức triển khai Nghị định số 102 trên địa bàn tỉnh.

3. Công tác tuyên truyền, tập huấn

Mặc dù Nghị định số 102 có hiệu lực thi hành đúng lúc dịch bệnh COVID-19 lan rộng và rất nghiêm trọng, nhưng công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt về Nghị định số 102 vẫn được tổ chức dưới nhiều hình thức sáng tạo, hiệu quả, độ bao phủ rộng với sự hỗ trợ kịp thời của các cơ quan, tổ chức có liên quan, cụ thể như sau:

- Đăng tải toàn bộ các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện trên trang thông tin điện tử của Tổng cục Lâm nghiệp, Cục Kiểm lâm, Tổng cục Hải quan để thông tin rộng rãi cho cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Tổ chức 03 Hội nghị vùng để phổ biến, quán triệt, đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 102, với sự tham gia của 272 đại biểu; 19 khóa tập huấn (trực tuyến và trực tiếp) về nâng cao năng lực về quản lý chuỗi cung ứng gỗ theo Hiệp định VPA/FLEGT và Nghị định số 102 cho khoảng 720 lượt học viên; 03 khóa tập huấn về phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ cho 120 đại biểu. Trong đó, đối tượng đào tạo và tập huấn chủ yếu là lực lượng Kiểm lâm, công chức Hải quan và doanh nghiệp có hoạt động nhập khẩu, chế biến và xuất khẩu gỗ.

- Xây dựng các bộ tài liệu tập huấn về quản lý gỗ nhập khẩu và in ấn phát cho các Chi cục Kiểm lâm và Cục Hải quan các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; xây dựng ứng dụng điện tử LegalLog để hỗ trợ tra cứu các văn bản quy phạm pháp luật về khai thác và thương mại gỗ của 10 quốc gia thuộc vùng địa lý không tích cực xuất khẩu gỗ với khối lượng lớn vào Việt Nam.

4. Công tác xây dựng kế hoạch, tổ chức kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính

Hàng năm, Tổng cục Lâm nghiệp và Chi cục Kiểm lâm các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã chủ động xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy định của Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam nhằm kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý vi phạm (nếu có), đồng thời hướng dẫn, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện. Trong đó:

- Cục Kiểm lâm đã thực hiện 7 đợt kiểm tra, giám sát về thực hiện Nghị định số 102, công tác quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản nhằm phát hiện sớm các thiếu sót, tồn tại, đôn đốc việc thực hiện Nghị định số 102 tại các địa phương.

- 38 tỉnh/46 tỉnh báo cáo (chiếm 83%) đã xây dựng Kế hoạch thanh tra, kiểm tra, giám sát, trong đó có nội dung kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản và các quy định theo Nghị định số 102.

- 05/46 tỉnh báo cáo (gần 11%) đã tổ chức các đợt kiểm tra định kỳ và đột xuất về tuân thủ quy định về quản lý gỗ nhập khẩu của các doanh nghiệp và đơn vị trực thuộc nhằm hướng dẫn và chấn chỉnh kịp thời nếu có thiếu sót xảy ra.

- 100% Chi cục Kiểm lâm các tỉnh đã tiến hành rà soát các cơ sở kinh doanh chế biến lâm sản, các doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu và nhập khẩu gỗ đang hoạt động trên địa bàn để làm căn cứ theo dõi, giám sát và báo cáo về kết quả thực hiện các quy định của Nghị định số 102.

- Về xử phạt vi phạm hành chính: Do Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2019 của Chính phủ quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp chưa có chế tài xử phạt vi phạm quy định của Nghị định số 102 (quy định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định về Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam được bổ sung tại Nghị định số 07/2022/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 10/01/2022), nên tính đến nay mới có 2 tỉnh đã thực hiện xử phạt hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định về Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam.

II. TÁC ĐỘNG NGHỊ ĐỊNH SỐ 102 ĐỐI VỚI GỖ NHẬP KHẨU VÀ PHÂN LOẠI DOANH NGHIỆP

Nghị định số 102 quy định về 04 nội dung chính; trong đó, hiệu lực thi hành đối với từng nội dung trên được thực hiện theo lộ trình: (1) Quy định về quản lý gỗ nhập khẩu tại Mục 1 Chương II Nghị định số 102 có hiệu lực thi hành từ ngày 30/10/2020; (2) Quy định về phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ có hiệu lực từ ngày 01/5/2022; (3) Quy định về quản lý gỗ xuất khẩu tại Mục 2 Chương II và (4) Cấp giấy phép FLEGT cho lô hàng gỗ xuất khẩu vào EU sẽ có hiệu lực thi hành trong thời gian tới.

Trong thời gian thực hiện quy định về quản lý gỗ nhập khẩu và phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ từ khi Nghị định số 102 có hiệu lực thi hành đã tác động tích cực đến hoạt động nhập khẩu gỗ vào Việt Nam cũng như quản lý hoạt động chế biến và xuất khẩu của doanh nghiệp, cụ thể:

1. Quản lý gỗ nhập khẩu

Nghị định số 102 đã quy định chặt chẽ việc quản lý gỗ nhập khẩu nhằm mục đích loại bỏ hoàn toàn gỗ khai thác và thương mại bất hợp pháp nhập khẩu vào Việt Nam. Đây là xu hướng chung được nhiều quốc gia như Hoa Kỳ, Úc, EU, Hàn Quốc, Nhật Bản áp dụng.

Quy định về quản lý và kiểm soát gỗ nhập khẩu của Việt Nam dựa trên cam kết của Hiệp định VPA/FLEGT với EU và đặc thù của chuỗi cung ứng; nhập khẩu gỗ của Việt Nam đã áp dụng bổ sung 02 tiêu chí là: "Loài rủi ro'' và "Vùng địa lý rủi ro'' để quản lý gỗ nhập khẩu chặt chẽ hơn so với quy định của ngành Hải quan, góp phần tăng khối lượng nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ quốc gia thuộc vùng địa lý tích cực. Cụ thể: Lượng gỗ nhập khẩu từ các quốc gia thuộc vùng địa lý tích cực tăng từ 3,59 triệu m^3 năm 2018 lên 4,22 triệu m^3 năm 2021. Trong khi lượng nhập từ các quốc gia không thuộc vùng địa lý tích cực giảm dần từ 2,22 triệu m^3 năm 2018 xuống còn 1,78 triệu m^3 năm 2021.

2. Phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ

Thông tư số 21/2021/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ (sau đây viết tắt là Thông tư số 21), có hiệu lực thi hành từ ngày 01/5/2021. Thông tư là quy định pháp lý quan trọng, hướng dẫn chi tiết, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp chế biến thực hiện thủ tục xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ; đồng thời có các quy định cụ thể để cơ quan Kiểm lâm cấp tỉnh hoặc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện phân loại doanh nghiệp theo quy định.

Kết quả phân loại doanh nghiệp là căn cứ pháp lý quan trọng giúp cơ quan Hải quan xem xét, quyết định phân luồng hải quan (luồng xanh) trong quá trình làm thủ tục thông quan. Qua đó, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình thông quan lô hàng gỗ xuất khẩu của doanh nghiệp Nhóm I.

Kết quả: Tính đến ngày 03/10/2022, đã có 140 doanh nghiệp Nhóm I thuộc 11 tỉnh, trong đó: Tỉnh Bình Dương 70 doanh nghiệp, chiếm 50,0 %; tỉnh Đồng Nai 30 doanh nghiệp, chiếm 21,4%; tỉnh Bình Định 28 doanh nghiệp, chiếm 20,0%; tỉnh Thanh Hóa 04 doanh nghiệp, chiếm 2,9 %; TP Đà Nẵng 02 doanh nghiệp, chiếm 1,4%; TP Hà Nội 01 doanh nghiệp, tỉnh Bắc Kạn 01 doanh nghiệp, tỉnh Tuyên Quang 01 doanh nghiệp, tỉnh Hà Giang 01 doanh nghiệp, Kon Tum 01 doanh nghiệp, Long An 01 doanh nghiệp.

Quá trình thực hiện Thông tư số 21 từ 01/5/2022 đến nay cho thấy các quy định của Thông tư số 21 đảm bảo yêu cầu theo quy định của Nghị định số 102 và Hiệp định VPA/FLEGT, phù hợp với thực tiễn áp dụng. Đến nay, rất ít ý kiến phản ánh về khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Thông tư số 21. Các ý kiến của địa phương chủ yếu đề nghị được hướng dẫn do cách hiểu chưa đúng về đối tượng phân loại doanh nghiệp, hồ sơ xuất khẩu gỗ khi Thông tư số 21 có hiệu lực thi hành, các vướng mắc đều được Tổng cục Lâm nghiệp kịp thời hướng dẫn, giải đáp thỏa đáng.

III. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC

1. Về công bố danh sách vùng địa lý tích cực: Nghị định số 102 chưa quy định về cơ chế lấy ý kiến rộng rãi của các tổ chức xã hội có liên quan đối với việc xem xét, quyết định công bố danh sách vùng địa lý tích cực theo quy định tại khoản 3 Điều 5 nên việc tiếp cận với các nguồn thông tin về quy định pháp luật quốc gia về trách nhiệm giải trình tính hợp pháp của gỗ cho toàn bộ chuỗi cung ứng, hệ thống chứng chỉ gỗ.v.v. của các vùng địa lý xuất khẩu gỗ vào Việt Nam còn hạn chế, ảnh hưởng đến quá trình xem xét, đối chiếu giữa quy định pháp luật của các vùng địa lý đó so với Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam.

2. Hiện nay, Việt Nam nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ 108 quốc gia trên thế giới, nhưng các thông tin về quy định pháp luật của từng quốc gia còn hạn chế, dẫn đến khó khăn cho cơ quan chức năng trong quá trình kiểm tra, xác minh thông tin do doanh nghiệp kê khai trong Mẫu số 03 Phục lục I ban hành kèm theo Nghị định số 102.

3. Về thực hiện kê khai Bảng kê gỗ nhập khẩu: Đối với các doanh nghiệp nhập khẩu gỗ với số lượng lớn Log List/Packing List của nhà xuất khẩu đã có các thông tin đầy đủ và phù hợp với Bảng kê gỗ nhập khẩu gỗ theo Mẫu số 01 và Mẫu số 02 Phụ lục I, nhưng theo quy định tại khoản 1 Điều 7 nhà nhập khẩu vẫn phải kê khai lại đầy đủ các nội dung trong Mẫu số 01 và Mẫu số 02 dẫn đến mất nhiều thời gian lưu kho, bãi và gây ách tắc trong quá trình nhập khẩu, đồng thời phát sinh thêm chi phí và ảnh hưởng đến việc kinh doanh và lưu thông hàng hóa của các doanh nghiệp.

4. Về đối tượng xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu: Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 102, chỉ xác nhận nguồn gốc gỗ khi xuất khẩu đối với lô hàng gỗ có nguồn gốc từ rừng trồng xuất khẩu sang thị trường EU, đối với thị trường ngoài EU thì không xác nhận; như vậy chưa có sự bình đẳng giữa các thị trường.

5. Về đối tượng phân loại doanh nghiệp: Theo Hiệp định VPA/FLEGT thì phân loại doanh nghiệp áp dụng cho toàn bộ chuỗi cung ứng gỗ (nhập khẩu, khai thác, mua bán, chế biến, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ) có hiệu lực từ ngày

01/6/2019. Ngày 01/10/2021, Chính phủ CHXHCN Việt Nam và Chính phủ Hợp chủng quốc Hoa Kỳ ký thỏa thuận khai thác và thương mại gỗ bất hợp pháp (Thỏa thuận), có hiệu lực từ ngày 31/10/2021; theo đó, Việt Nam cam kết mở rộng đối tượng phân loại đối với doanh nghiệp nhập khẩu gỗ. Vì vậy, quy định về phân loại doanh nghiệp trong Nghị định số 102 chưa phù hợp với Hiệp định VPA/FLEGT và Thỏa thuận.

6. Về cấp giấy phép FLEGT: Theo quy định tại Hiệp định VPA/FLEGT thì giấy phép FLEGT chỉ cấp cho các lô hàng nhập khẩu vào EU. Vì vậy, quy định tại khoản 2 Điều 3 và khoản 1 Điều 14 Nghị định số 102 quy định áp dụng cấp giấy phép FLEGT đối với lô hàng gỗ tạm nhập, tái xuất chưa phù hợp với Hiệp định VPA/FLEGT.

7. Về kiểm tra, xác nhận bảng kê gỗ nhập khẩu đối với các lô hàng gỗ nhập khẩu của hải quan: Tại điểm b khoản 3 Điều 27 Nghị định số 102/2020/NĐ-CP quy định trách nhiệm của cơ quan Hải quan trong việc kiểm tra, xác nhận Bảng kê gỗ nhập khẩu trước khi thông quan; tuy nhiên, chưa có quy định chi tiết về nội dung, hình thức xác nhận, dẫn đến thông tin, nội dung xác nhận trên Bảng kê gỗ nhập khẩu của cơ quan Hải quan không đồng bộ, thống nhất; gây khó khăn cho cơ quan chức năng trong quá trình kiểm tra, truy xuất trong trường hợp cần thiết. Bên cạnh đó, việc xác nhận vào Mẫu số 01 và Mẫu số 02 làm ảnh hưởng đến Hệ thống hải quan điện tử do phát sinh thêm thủ tục do phải scan đưa lên hệ thống.

8. Về tiếp nhận và lưu giữ hồ sơ gỗ nhập khẩu: Tại khoản 3 Điều 27 quy định trách nhiệm của hải quan phải kiểm tra, xác nhận Bảng kê gỗ nhập khẩu; tuy nhiên, không quy định cụ thể sau khi kiểm tra, xác nhận, cơ quan hải quan cửa khẩu có phải trả lại hồ sơ cho doanh nghiệp để sử dụng trong mua bán, chuyển giao và vận chuyển gỗ theo quy định tại khoản 5 Điều 4 và lưu giữ hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 27 hay không. Quy định như hiện nay, các cơ quan Hải quan cửa khẩu đang có cách hiểu khác nhau khi làm thủ tục thông quan: (1) Yêu cầu chủ gỗ làm 02 bộ hồ sơ, 01 lưu tại chi cục Hải quan, 01 gửi trả lại cho chủ gỗ; (2) Yêu cầu chủ gỗ làm 01 bộ hồ sơ, sau khi kiểm tra, xác nhận cho thông quan và trả lại hồ sơ chủ gỗ.

9. Về công tác kiểm tra, giám sát của cơ quan Kiểm lâm đối với gỗ nhập khẩu: Cơ quan Kiểm lâm không được tham gia quản lý gỗ nhập khẩu ở giai đoạn đầu khi doanh nghiệp thực hiện thủ tục thông quan, trong khi đó Bảng kê gỗ nhập khẩu do doanh nghiệp nhập khẩu tự lập nên cán bộ Kiểm lâm không căn cứ để kiểm tra, xác minh, truy xuất nguồn gốc gỗ nhập khẩu trong quá trình mua bán, vận chuyển đặc biệt khi xác định lô gỗ có dấu hiệu vi phạm trong trường hợp mua đi bán lại nhiều lần gỗ nhập khẩu.

10. Về quy định chế độ báo cáo: 48% các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo là doanh nghiệp gặp khó khăn khi phải thực hiện chế độ báo cáo định kỳ như quy định của Nghị định số 102, vì quy định về thời gian báo cáo định kỳ chưa thống nhất với chu kỳ báo cáo thuế của doanh nghiệp, dẫn đến số liệu khác nhau khi báo cáo cho cơ quan Kiểm lâm và cơ quan Thuế, gây khó khăn cho doanh nghiệp.

11. Theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 27 Nghị định số 102 thì cơ quan Hải quan chịu trách nhiệm kiểm tra, xác nhận bảng kê gỗ nhập khẩu đối với các lô hàng gỗ nhập khẩu. Tuy nhiên, hiện nay các chi cục Hải quan cửa khẩu thực hiện chưa thống nhất, một số cơ quan Hải quan cho phép thông quan nhưng không thực hiện xác nhận bảng kê gỗ nhập khẩu theo quy định.

12. Tại điểm d khoản 4 Điều 27 Nghị định số 102 về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân; quy định: *"d) Kê khai, giải trình, cung cấp các thông tin liên quan đến nguồn gốc gỗ nhập khẩu, xuất khẩu theo quy định tại Nghị định này và chấp hành sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan chức năng có thẩm quyền."*. Tuy nhiên, hiện nay nhiều doanh nghiệp ủy thác cho doanh nghiệp khác để thực hiện thủ tục nhập khẩu gỗ nên các thông tin trong Mẫu số 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 03 chưa được kê khai đầy đủ theo quy định.

13. Hệ thống mẫu biểu báo cáo quy định tại Nghị định số 102 còn chưa thống nhất với Hệ thống mẫu biểu báo cáo tại Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT của Bộ trưởng Bộ NNPTNT quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản. Vì vậy đã gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc tổng hợp, báo cáo tình hình nhập, xuất lâm sản theo quy định.

(Bảng tổng hợp ý kiến của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương địa phương chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Qua việc đánh giá, tổng kết quá trình thực hiện Nghị định 102/2020/NĐ-CP và tổng hợp các kiến nghị của Tổng cục Hải quan và các Hiệp hội gỗ; các ý kiến tham vấn, trao đổi của đại diện một số thị trường gỗ như EU, Hoa Kỳ là những đối tác chiến lược quan trọng của Việt Nam trong lĩnh vực thương mại gỗ. Tổng cục Lâm nghiệp thấy rằng các khó khăn, vướng mắc nêu trên cần phải sửa đổi, bổ sung để phù hợp với thực tiễn và Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Tổng cục Lâm nghiệp báo cáo và đề xuất sửa đổi, bổ sung một số nội dung, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung phương pháp xác định vùng địa lý tích cực cho phù hợp với Hiệp định VPA/FLEGT và Thỏa thuận giữa Chính phủ CHXHCN Việt Nam và Chính phủ Hợp chủng quốc Hoa Kỳ về khai thác và thương mại gỗ bất

hợp pháp. Bổ sung quy định về vai trò và trách nhiệm của tổ chức xã hội và Ủy ban thực thi chung Hiệp định VPA/FLEGT làm căn cứ quyết định Danh sách quốc gia thuộc vùng địa lý tích cực.

2. Bổ sung quy định về cơ chế cung cấp thông tin, xây dựng trang thông tin điện tử để cập nhật, cung cấp công khai quy định pháp luật liên quan đến khai thác và thương mại gỗ của các quốc gia xuất khẩu gỗ vào Việt Nam. Trong đó, ưu tiên những quốc gia thuộc vùng địa lý không tích cực, làm căn cứ cho cơ quan chức năng kiểm tra, đối chiếu thông tin do chủ gỗ lập.

3. Sửa đổi, bổ sung một số phụ lục của Nghị định số 102, cụ thể như: Mẫu số 03 về kê khai nguồn gốc gỗ nhập khẩu theo hướng chỉ nên có ba phần chính theo trình tự của thực hiện trách nhiệm giải trình với hướng dẫn kê khai chi tiết. Quy định rõ hơn về Mẫu số 01 và Mẫu số 02 theo hướng theo kê khai theo mã HS, đồng thời cho phép doanh nghiệp được sử dụng bảng kê gỗ nhập khẩu (Packing list/Log List) của bên xuất khẩu nếu các thông tin đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam.

4. Sửa đổi, bổ sung đối tượng xác minh nguồn gốc gỗ hợp pháp xuất khẩu tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 102 để bảo đảm không phân biệt thị trường xuất khẩu và thống nhất với Hiệp định VPA/FLEGT và Thỏa thuận giữa Chính phủ CHXHCN Việt Nam và Chính phủ Hợp chủng quốc Hoa Kỳ về khai thác và thương mại gỗ bất hợp pháp.

5. Bổ sung đối tượng phân loại doanh nghiệp nhập khẩu, chế biến, kinh doanh gỗ cho phù hợp với Hiệp định VPA/FLEGT và Thỏa thuận giữa Chính phủ CHXHCN Việt Nam và Chính phủ Hợp chủng quốc Hoa Kỳ về khai thác và thương mại gỗ bất hợp pháp.

6. Sửa đổi, bỏ quy định về cấp phép FLEGT cho lô hàng gỗ tạm nhập tái xuất sang thị trường EU để phù hợp với Hiệp định VPA/FLEGT.

7. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 27 theo hướng quy định rõ hình thức, thông tin, cách thức xác nhận để bảo đảm phù hợp thực tiễn quản lý của ngành Hải quan.

8. Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 7 và Điều 10 Nghị định số 102, theo đó quy định rõ trách nhiệm cơ quan Hải quan sau khi kiểm tra hồ sơ gỗ nhập khẩu, xuất khẩu trong trường hợp cần thiết; kết thúc kiểm tra, cơ quan Hải quan trả lại hồ sơ gỗ nhập khẩu, xuất khẩu để chủ gỗ lưu trữ, phục vụ việc kiểm tra, truy xuất của cơ quan chức năng.

9. Sửa đổi, bổ sung chế độ báo cáo tại điểm c khoản 4 Điều 27 Nghị định số 102 về báo cáo tình hình nhập khẩu, xuất khẩu gỗ để bảo đảm thống nhất với chu kỳ báo cáo Thuế của của doanh nghiệp.

10. Rà soát, sửa đổi, bổ sung quy định về trách nhiệm của các cơ quan, doanh nghiệp quy định tại Điều 25, Điều 26 và Điều 27 của Nghị định số 102 về phân công trách nhiệm cho các cơ quan thực thi cho phù hợp với chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị và làm rõ sự phối hợp của các đơn vị trong từng nhiệm vụ: Quản lý gỗ nhập khẩu, xuất khẩu, phân loại doanh nghiệp, cấp phép FLEGT và đánh giá độc lập.v.v.

Trên đây là báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 102, Tổng cục Lâm nghiệp kính trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:
- Thứ trưởng Lê Quốc Doanh (để b/c);
- TCT Nguyễn Quốc Trị (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, KL (10 bản).

KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG

Bùi Chính Nghĩa